

BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM VỀ VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

Câu 1: Tỉnh nào sau đây của vùng giáp với cả Lào và Trung Quốc?

- A. Lai Châu.
- B. Sơn La.
- C. Hà Giang
- D. Lào Cai

Câu 2: Tỉnh nào sau đây của vùng giáp biển

- A. Thái Bình.
- B. Quảng Ninh.
- C. Lạng Sơn
- D. Nam Định

Câu 3: Trung du và miền núi Bắc Bộ bao gồm:

- A. 11 tỉnh
- B. 15 tỉnh
- C. 13 tỉnh
- D. 14 tỉnh

Câu 4: Về mặt tự nhiên Trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là:

- A. chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình.
- B. chịu tác động rất lớn của biển.
- C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ.
- D. chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn.

Câu 5: Đặc điểm nào sau đây không phải của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. có diện tích lớn nhất so với các vùng khác.
- B. có sự phân hóa thành hai tiểu vùng.
- C. có số dân đông nhất so với các vùng khác.
- D. giáp cả Trung Quốc và Lào.

Câu 6: Về mùa đông khu vực Đông Bắc lạnh hơn Tây Bắc là do:

- A. Tây Bắc cao hơn
- B. Tây Bắc xa khối không khí lạnh hơn
- C. Đông Bắc trực tiếp chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc lạnh



D. Đông Bắc ven biển.

Câu 7: Tỉnh nào của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có các đặc điểm: Vừa giáp Trung Quốc, vừa giáp vịnh Bắc Bộ, vừa giáp vùng Đồng bằng sông Hồng ?

- A. Bắc Kạn.
- B. Bắc Giang.
- C. Quảng Ninh.
- D. Lạng Sơn.

Câu 8: Về mùa đông khu vực Đông Bắc lạnh hơn Tây Bắc là do:

- A. Gió mùa, địa hình.
- B. Núi cao, nhiều sông.
- C. Thảm thực vật, gió mùa.
- D. Vị trí ven biển và đất.

Câu 9: Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

- A. Đồng
- B. Sắt
- C. Đá vôi
- D. Than đá

Câu 10: Các dân tộc ít người ở Tây Bắc chủ yếu là:

- A. Tày, Nùng, Hoa, Chăm,...
- B. Thái, Mường, Dao, Mông,...
- C. Gia-rai, Cơ-ho, Ê-đê, Mạ,...
- D. Ê - đê, Dao, Giáy, Lự,...

Câu 11: Đông Bắc là nơi cư chú phổ biến dân tộc:

- A. Tày
- B. Thái
- C. Kinh
- D. Mông

Câu 12: Trong số các tỉnh dưới đây, tỉnh nào nằm ở Tây Bắc?

- A. Lạng Sơn.
- B. Quảng Ninh.
- C. Hoà Bình.
- D. Phú Thọ.

Câu 13: Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN DÂN CƯ, XÃ HỘI Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (ĐÔNG BẮC, TÂY BẮC) VÀ CẢ NƯỚC, NĂM 1999

Tiêu chí	Đơn vị tính	Đông Bắc	Tây Bắc	Cả nước
Mật độ dân số	Người/km ²	136	63	233
Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số	%	1,3	2,2	1,4
Tỉ lệ hộ nghèo	%	17,1		13,3
Thu nhập bình quân đầu người một tháng	Nghìn đồng	210,0		295,0
Tỉ lệ người lớn biết chữ	%	89,3	73,3	90,3
Tuổi thọ trung bình	Năm	68,2	65,9	70,9
Tỉ lệ dân số thành thị	%	17,3	12,9	23,6

Những chỉ số phát triển nào ở Tây Bắc cao hơn Đông Bắc?

- A. Mật độ dân số
- B. Tỷ lệ gia tăng dân số và hộ nghèo
- C. Thu nhập và tỷ lệ biết chữ
- D. Tuổi thọ, tỷ lệ thị dân

Câu 14: Nhà máy thủy điện nào sau đây không thuộc vùng trung du và miền núi Bắc Bộ

- A. Hòa Bình
- B. Sơn La
- C. Thác Bà
- D. Bản Vẽ

Câu 15: Đặc điểm nào sau đây không đúng về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

- A. Có diện tích lớn nhất so với các vùng khác.
- B. Có sự phân hóa thành hai tiểu vùng: Đông Bắc và Tây Bắc
- C. Có dân số đông nhất cả nước
- D. Giáp với Trung Quốc và Lào

Câu 16: Trong số các nhà máy điện đã và đang xây dựng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, nhà máy nào sau đây là máy nhiệt điện?

- A. Hoà Bình.
- B. Thác Bà.
- C. Ưông Bí.
- D. Sơn La.

Câu 17: Dân cư của vùng Trung du và miền Bắc Bộ chiếm tỉ trọng so với cả nước là



- A. 65%.
- B. 57,3%
- C. 35,7%.
- D. 25%.

Câu 18: Ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, tỉnh có nhà máy nhiệt điện lớn là:

- A. Hải Dương.
- B. Quảng Ninh.
- C. Thái Nguyên.
- D. Lạng Sơn.

Câu 19: Cũng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, tỉnh có cơ sở luyện kim đen và luyện kim màu lớn là:

- A. Thái Nguyên.
- B. Cao Bằng.
- C. Tuyên Quang.
- D. Lào Cai

Câu 20: Ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, tỉnh có nhiều apatit, pirit dùng để sản xuất xút, phân bón là:

- A. Lào Cai.
- B. Phú Thọ.
- c. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai.

Câu 21: Do điều kiện sinh thái, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ sản xuất được các sản phẩm đặc trưng:

- A. nhiệt đới. .
- B. cận nhiệt đới.
- C. ôn đới.
- D. Cả 3 loại sản phẩm trên.

Câu 22: Đàn trâu của vùng Trung du và miền Bắc Bộ so cả nước

- A. 65%.
- B. 57,3%
- C. 35,7%.
- D. 25%.

Câu 23: Cửa khẩu Đồng Đăng (Hữu Nghị), một cửa khẩu quan trọng, trên biên giới Việt - Trung thuộc tỉnh nào của nước

- A. Lào Cai.
- B. Cao Bằng.
- C. Lạng Sơn.
- D. Hà Giang.

Câu 24: Thế mạnh kinh tế chủ yếu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Khai thác khoáng sản, thủy điện.
- B. Nghề rừng, cây công nghiệp lâu năm.
- C. Rau quả cận nhiệt và ôn đới
- D. Tất cả các mặt trên.

Câu 25: Theo em, trong các loại cây trồng chủ yếu của vùng Trung du và núi Dắc Bộ thì loại cây trồng nào có diện tích gieo trồng và lượng lớn so cả

- A. ngô.
- B. chè.
- C. đậu tương.
- D. cây ăn quả.

Câu 26: Các trung tâm kinh tế quan trọng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

- A. Việt Trì, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hạ Long.
- B. Lào Cai, Hòa Bình, Điện Biên, Hà Giang.
- C. Yên Bái, Tuyên Quang, Sơn La, Bắc Kạn.
- D. Móng Cái, Bắc Giang, Thác Bà, Lai Châu.

Câu 27: Loại nhiên liệu sử dụng cho các nhà máy nhiệt điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

- A. Dầu lửa
- B. Khí đốt
- C. Than đá
- D. Than bùn

Câu 28: Than đá trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ khai thác không nhằm mục đích:

- A. Làm nhiên liệu nhiệt điện
- B. Xuất khẩu
- C. Tiêu dùng trong nước
- D. Làm đồ trang sức

Câu 29: Các nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình nằm trên sông nào

- A. Đà
- B. Lô
- C. Gâm
- D. Chảy

Câu 30: Tính đa dạng về cơ cấu sản phẩm nông nghiệp của Trung du và miền núi Bắc Bộ thể hiện ở chỗ có cả:

- A. cây lương thực, cây ăn quả, và cây thực phẩm.
- B. cây công nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu.
- C. cây nhiệt đới, cây cận nhiệt và cả cây ôn đới.
- D. cây thực phẩm, cây ăn quả và cây công nghiệp.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	B	B	A	C	C	C	A	D	B
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
C	C	B	D	C	B	C	B	A	C
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
B	D	C	D	B	A	C	D	A	B



Vững vàng nền tảng, Khai sáng tương lai

Website **HOC247** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm, giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh tiếng.

I. Luyện Thi Online

Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%

- **Luyện thi ĐH, THPT QG:** Đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh tiếng xây dựng các khóa **luyện thi THPTQG** các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.
- **Luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán:** Ôn thi **HSG lớp 9** và **luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán** các trường **PTNK, Chuyên HCM (LHP-TĐN-NTH-GĐ), Chuyên Phan Bội Châu Nghệ An** và các trường Chuyên khác cùng **TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Trịnh Thanh Đèo và Thầy Nguyễn Đức Tấn**.

II. Khoá Học Nâng Cao và HSG

Học Toán Online cùng Chuyên Gia

- **Toán Nâng Cao THCS:** Cung cấp chương trình Toán Nâng Cao, Toán Chuyên dành cho các em HS THCS lớp 6, 7, 8, 9 yêu thích môn Toán phát triển tư duy, nâng cao thành tích học tập ở trường và đạt điểm tốt ở các kỳ thi HSG.
- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học và Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: **TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn** cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.

III. Kênh học tập miễn phí

HOC247 NET cộng đồng học tập miễn phí
HOC247 TV kênh Video bài giảng miễn phí

- **HOC247 NET:** Website học miễn phí các bài học theo **chương trình SGK** từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn học với nội dung bài giảng chi tiết, sửa bài tập SGK, luyện tập trắc nghiệm miễn phí, kho tư liệu tham khảo phong phú và cộng đồng hỏi đáp sôi động nhất.
- **HOC247 TV:** Kênh **Youtube** cung cấp các Video bài giảng, chuyên đề, ôn tập, sửa bài tập, sửa đề thi miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn Toán- Lý - Hoá, Sinh- Sử - Địa, Ngữ Văn, Tin Học và Tiếng Anh.